

Bản số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Ông Lê Thanh Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1983/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Đơn: Anh **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1982/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị Phan Thị T và anh Ngô Văn Đ kết hôn năm 2009, có được tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được những năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau nữa, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên hay cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau. Anh Đ thường xuyên uống rượu rồi gây sự đánh chị vô cớ. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2009 và Ngô Thị Trà M, sinh ngày 15/01/2011. Nay cả hai con đều đang ở với anh Đ, nếu anh Đ nhận nuôi thì chị đồng ý để không làm đảo lộn cuộc sống và việc

học hành của con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho mỗi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn Đ trình bày: Anh và chị Phan Thị T kết hôn với nhau từ năm 2009, có được tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Theo anh Đ thì vợ chồng vẫn đang chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những bất đồng nhỏ. Một tháng gần đây chị T bỏ về bên nhà ngoại sinh sống, anh đã nhiều lần thuyết phục chị T quay về Đ tụ vợ chồng nhưng chị T không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T, mà muốn chị T quay về Đ tụ vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Thị Ngọc Hân, sinh ngày 12/12/2009 và Ngô Thị Trà My, sinh ngày 15/01/2011. Nếu phải ly hôn thì anh nhận nuôi cả 02 con vì con đang ở với anh Đ, anh Đ nhất trí để chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho mỗi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Ngô Văn Đ, bị đơn đang cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Ngô Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sự hòa hợp và đã sống ly thân được gần một thời gian. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn anh Đ. Còn anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn và muốn chị T quay về Đ tụ vợ chồng. Tuy nhiên trong thời gian mấy tháng qua và cho đến nay anh Đ không có cách nào hòa giải Đ tụ

với chị T, không có cách nào thuyết phục được chị T rút đơn quay về chung sống với anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị Phan Thị T và anh Ngô Văn Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng Đ tự nên yêu cầu xin ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Ngô Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Ngô Văn Đ có 02 con chung là Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2009 và Ngô Thị Trà M, sinh ngày 15/01/2011. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Đ nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị T cũng nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi cả hai con. Xét thấy anh Đ có nhà ở, hai con đang học tập và sinh sống ổn định cùng anh Đ, còn chị T đang ở nhờ bên ngoại, do đó cần giao cả hai con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng **1.000.000 đồng** cho mỗi con, anh Đ đồng ý để chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con. Xét thấy mức cấp dưỡng này phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện kinh tế của chị T và phù hợp với yêu cầu thực tế cuộc sống hiện nay của con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Ngô Văn Đ xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Ngô Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao hai con là Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2009 và Ngô Thị Trà M, sinh ngày 15/01/2011 cho anh Ngô Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Phan Thị T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Ngô Văn Đ mỗi tháng **1.000.000 đồng** cho mỗi con kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành, chị T không thi hành được khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên, thì hàng tháng còn phải

chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

[5]. Án phí: Chị Phan Thị T phải chịu **300.000 đồng** (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và **300.000 đồng** án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005344 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Phan Thị T còn phải chịu **300.000 đồng** (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn (chị T), bị đơn (anh Đ) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường

